

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán kinh phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ để GPMB dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước (đợt 12, 13)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc lập dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh về việc Quy định một số mức chi phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 92/2024/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 của UBND tỉnh quy định một số mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 2466/QĐ-UBND ngày 09/7/2024 và Quyết định số 2696/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết (đợt 12 và đợt 13) dự án: Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 09/TTr-STC ngày 08/01/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán kinh phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ để GPMB dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước (đợt 12, 13) cho Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với số tiền là: **387.611.000 đồng** (Ba trăm tám mươi bảy triệu, sáu trăm mười một ngàn đồng), chi tiết như phụ lục kèm theo.

Khoản kinh phí nêu trên được chi từ nguồn 2% kinh phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước.

Điều 2. Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm sử dụng và quyết toán khoản kinh phí nêu trên theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung chi	Tổng số	Ghi chú
1	2	3	4
	TỔNG CỘNG	387.611.000	
1	Chi kiểm kê, đánh giá đất đai, tài sản thực tế bị thiệt hại	111.425.000	
a	Chi bồi dưỡng cho Thành viên Hội đồng và Tổ công tác giúp việc	87.125.000	
	- Ngày làm việc theo chế độ: 475 công x (80.000+15.000) đồng/người/ngày	45.125.000	
	- Ngày làm việc ngoài giờ: 240 công x (160.000+15.000) đồng/người/ngày	42.000.000	
b	Chi bồi dưỡng cho Cán bộ thôn, xóm, khu vực, bản, làng ở địa phương (180 công x (120.000+15.000) đồng/người/ngày)	24.300.000	
2	Chi thẩm định phương án bồi thường và thẩm định dự toán, quyết toán chi phí phục vụ công tác bồi thường, GPMB	11.628.000	
	Chi phí thẩm định dự toán, quyết toán chi phí phục vụ công tác bồi thường GPMB	11.628.000	
3	Chi bồi dưỡng cho các thành viên Hội đồng và tổ công tác tham gia các cuộc họp thông qua phương án, giải quyết vướng mắc và các công việc liên quan đến bồi thường GPMB	53.520.000	
4	Chi phục vụ kiểm tra, hướng dẫn thực hiện chính sách, giải quyết những vướng mắc trong công tác bồi thường và tổ chức thực hiện chi trả bồi thường	16.245.000	
5	Chi thuê văn phòng, trang thiết bị làm việc của tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường và cơ quan thẩm định (nếu có);	35.000.000	
6	Chi in ấn, phô tô tài liệu, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc và xăng xe	35.866.000	
7	Chi phí khác	123.927.000	
a	Chi phí Đo đạc lập bản đồ địa chính, trích lục bản đồ địa chính (chỉnh lý thửa đất), trích đo địa chính thửa đất và hồ sơ kỹ thuật thửa đất	21.427.000	
b	Chi phụ cấp kiêm nhiệm cho các thành viên Hội đồng và Tổ công tác	75.600.000	
c	Chi khác liên quan đến công tác GPMB (xăng xe phục vụ công tác GPMB, trà, nước, sửa chữa nhỏ, cước phí, công cụ dụng cụ, ngoài giờ công tác quyết toán dự án, các cuộc họp khác...)	26.900.000	